

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: Thiết bị ngoại vi số

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4,0		6,0	6,0		
1	2213360322	Vũ Minh Chinh	02/5/2003	02DH14C1	8,0	7,0	7,3		8,0		7,7	Đạt
2	2213360239	Dương Phương Xuân Diệu	05/02/2006	02DH14C1	8,0	7,0	7,3		8,0		7,7	Đạt
3	2213360279	Vũ Ngọc Hiến	11/11/2005	02DH14C1	7,0	7,0	7,0		8,0		7,6	Đạt
4	2213360061	Đình Tiến Hoàng	12/12/2002	02DH14C1	7,0	8,0	7,7		8,0		7,9	Đạt
5	2213240104	Nguyễn Thành Hội	10/08/2000	02DH14A1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
6	2213360187	Nguyễn Hoàng Phi Hùng	23/08/2006	02DH14C1	7,0	8,0	7,7		8,0		7,9	Đạt
7	2213240181	Lê Minh Huy	19/10/2003	02DH14A1	6,0	7,0	6,7		7,0		6,9	Đạt
8	2213360206	Phạm Đăng Khoa	17/07/2006	02DH14C1	8,0	7,0	7,3		8,0		7,7	Đạt
9	2213360305	Phan Thị Hương Liên	20/04/2006	02DH14C1	8,0	8,0	8,0		9,0		8,6	Đạt
10	2213360268	Huỳnh Hữu Lộc	01/10/2002	02DH14C1	6,0	7,0	6,7		7,0		6,9	Đạt
11	2213360197	Nguyễn Lê Hoàng Nam	28/03/2005	02DH14C1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
12	2213360109	Trương Ngọc Kim Ngân	27/11/2006	02DH14C1	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
13	2213360243	Võ Thị Thanh Ngân	20/10/2006	02DH14C1	8,0	8,0	8,0		7,0		7,4	Đạt
14	2213360028	Nguyễn Hùng Nguyên	22/10/2005	02DH14C1	8,0	9,0	8,7		8,0		8,3	Đạt
15	2213360170	Lê Thái Minh Nhật	22/05/2004	02DH14C1	6,0	7,0	6,7		6,0		6,3	Đạt
16	2213360288	Nguyễn Ngọc Nhi	13/07/2006	02DH14C1	8,0	7,0	7,3		8,0		7,7	Đạt
17	2213360214	Bùi Hải Phi	05/01/2006	02DH14C1	7,0	7,0	7,0		6,0		6,4	Đạt
18	2213360334	Võ Trần Quân	02/10/2005	02DH14C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: Thiết bị ngoại vi số

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2		
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1
19	2213240008	Phan Bá Tâm	21/02/1998	02DH14A1	8,0	9,0	8,7		6,0		7,1	Đạt
20	2213360122	Đỗ Phương Thảo	08/04/2006	02DH14C1	7,0	7,0	7,0		8,0		7,6	Đạt
21	2213360220	Nguyễn Song Thư	07/02/2006	02DH14C1	8,0	8,0	8,0		9,0		8,6	Đạt
22	1213360136	Huỳnh Nguyễn Thùy Tiên	18/04/2006	02DH14C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
23	2213360326	Trần Ngọc Thủy Tiên	24/03/2006	02DH14C1	7,0	8,0	7,7		7,0		7,3	Đạt
24	2213360345	Nguyễn Thị Ngọc Tiên	22/12/2006	02DH14C1	8,0	7,0	7,3		8,0		7,7	Đạt
25	2213360136	Trần Minh Triết	30/03/2005	02DH14C1	8,0	9,0	8,7		7,0		7,7	Đạt
26	2213360307	Trần Thuận Trung	24/08/2006	02DH14C1	7,0	8,0	7,7		8,0		7,9	Đạt
27	2213360016	Nguyễn Đức Anh Tuấn	18/01/1999	02DH14C1	6,0	7,0	6,7		7,0		6,9	Đạt
28	2213360255	Trương Minh Tuấn	15/02/2002	02DH14C1	8,0	7,0	7,3		8,0		7,7	Đạt
29	2213360213	Võ Bảo Vy	19/04/2006	02DH14C1	8,0	9,0	8,7		9,0		8,9	Đạt
30	2213360215	Nguyễn Vũ Phương Vy	22/09/2006	02DH14C1	7,0	8,0	7,7		8,0		7,9	Đạt
31	2213360375	Dương Ngọc Khánh Vy	24/08/2006	02DH14C1	8,0	8,0	8,0		7,0		7,4	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: Thiết kế đồ họa 3DSMAX

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0	6,0		
1	2213360322	Vũ Minh	Chinh	02/5/2003	02DH14C1	7,0	5,5	6,0		7,0		6,6	Đạt
2	2213360239	Dương Phương Xuân	Diệu	05/02/2006	02DH14C1	7,0	6,5	6,7		8,0		7,5	Đạt
3	2213360279	Vũ Ngọc	Hiển	11/11/2005	02DH14C1	5,0	6,0	5,7		7,5		6,8	Đạt
4	2213360061	Đình Tiến	Hoàng	12/12/2002	02DH14C1	5,0	7,0	6,3		8,0		7,3	Đạt
5	2213240104	Nguyễn Thành	Hội	10/08/2000	02DH14A1	8,0	5,0	6,0		7,5		6,9	Đạt
6	2213360187	Nguyễn Hoàng Phi	Hùng	23/08/2006	02DH14C1	7,0	6,0	6,3		8,5		7,6	Đạt
7	2213240181	Lê Minh	Huy	19/10/2003	02DH14A1	7,0	6,0	6,3		7,0		6,7	Đạt
8	2213360206	Phạm Đăng	Khoa	17/07/2006	02DH14C1	8,0	7,0	7,3		7,5		7,4	Đạt
9	2213360305	Phan Thị Hương	Liên	20/04/2006	02DH14C1	8,0	7,5	7,7		7,0		7,3	Đạt
10	2213360268	Huỳnh Hữu	Lộc	01/10/2002	02DH14C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
11	2213360197	Nguyễn Lê Hoàng	Nam	28/03/2005	02DH14C1	7,0	6,0	6,3		6,5		6,4	Đạt
12	2213360109	Trương Ngọc Kim	Ngân	27/11/2006	02DH14C1	8,0	7,0	7,3		7,0		7,1	Đạt
13	2213360243	Võ Thị Thanh	Ngân	20/10/2006	02DH14C1	8,0	7,0	7,3		7,5		7,4	Đạt
14	2213360028	Nguyễn Hùng	Nguyên	22/10/2005	02DH14C1	7,0	6,0	6,3		7,0		6,7	Đạt
15	2213360170	Lê Thái Minh	Nhật	22/05/2004	02DH14C1	7,0	4,0	5,0		6,0		5,6	Đạt
16	2213360288	Nguyễn Ngọc	Nhi	13/07/2006	02DH14C1	8,0	7,0	7,3		6,5		6,8	Đạt
17	2213360214	Bùi Hải	Phi	05/01/2006	02DH14C1	8,0	4,0	5,3		6,0		5,7	Đạt
18	2213360334	Võ Trần	Quân	02/10/2005	02DH14C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: Thiết kế đồ họa 3DSMAX

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2		
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1
19	2213240008	Phan Bá Tâm	21/02/1998	02DH14A1	6,0	9,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
20	2213360122	Đỗ Phương Thảo	08/04/2006	02DH14C1	8,0	7,0	7,3		7,0		7,1	Đạt
21	2213360220	Nguyễn Song Thư	07/02/2006	02DH14C1	7,0	7,5	7,3		7,5		7,4	Đạt
22	1213360136	Huỳnh Nguyễn Thùy Tiên	18/04/2006	02DH14C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
23	2213360326	Trần Ngọc Thủy Tiên	24/03/2006	02DH14C1	7,0	4,0	5,0		6,5		5,9	Đạt
24	2213360345	Nguyễn Thị Ngọc Tiên	22/12/2006	02DH14C1	8,0	6,5	7,0		7,0		7,0	Đạt
25	2213360136	Trần Minh Triết	30/03/2005	02DH14C1	8,0	9,0	8,7		7,5		8,0	Đạt
26	2213360307	Trần Thuận Trung	24/08/2006	02DH14C1	7,0	6,5	6,7		7,0		6,9	Đạt
27	2213360016	Nguyễn Đức Anh Tuấn	18/01/1999	02DH14C1	5,0	5,0	5,0		6,5		5,9	Đạt
28	2213360255	Trương Minh Tuấn	15/02/2002	02DH14C1	7,0	4,5	5,3		7,0		6,3	Đạt
29	2213360213	Võ Bảo Vy	19/04/2006	02DH14C1	8,0	8,0	8,0		6,5		7,1	Đạt
30	2213360215	Nguyễn Vũ Phương Vy	22/09/2006	02DH14C1	7,0	6,5	6,7		7,0		6,9	Đạt
31	2213360375	Dương Ngọc Khánh Vy	24/08/2006	02DH14C1	7,0	6,5	6,7		6,5		6,6	Đạt